



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8-27



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2016

Số: 108 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/03/2016 từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Vấn đề nhấn mạnh*

Như trình bày tại thuyết minh 33, Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2015/DHP/NQ - HĐQT Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng ngày 27/10/2015 đã quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty con - Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan của Công ty. Tới thời điểm 12/01/2016 Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan chính thức giải thể, toàn bộ công nợ và tài sản của Công ty con đã chuyển giao về cho Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Đức Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016*

\_\_\_\_\_  
**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450 - 2013 - 156 - 1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.946.980.035</b>	<b>81.034.114.273</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.933.748.354</b>	<b>3.488.608.888</b>
1. Tiền	111	5	2.933.748.354	3.488.608.888
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.974.408.086</b>	<b>31.800.450.046</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.461.011.220	31.950.918.936
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.955.508.041	468.534.012
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		191.444.356	37.971.150
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(633.555.531)	(656.974.052)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>78.360.181.733</b>	<b>45.545.191.270</b>
1. Hàng tồn kho	141		78.360.181.733	45.545.191.270
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.678.641.862</b>	<b>199.864.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	717.626.375	163.756.408
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.961.015.487	36.107.661
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>164.662.517.635</b>	<b>92.687.334.477</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84.662.517.635</b>	<b>20.687.334.477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	84.596.517.635	20.597.334.477
- Nguyên giá	222		95.485.220.778	27.690.231.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.888.703.143)	(7.092.896.833)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	66.000.000	90.000.000
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.000.000)	(30.000.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>72.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		80.000.000.000	72.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>261.609.497.670</b>	<b>173.721.448.750</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.533.334.097</b>	<b>31.997.015.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>116.537.829.097</b>	<b>31.607.215.000</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	26.509.632.793	7.214.006.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		406.044.305	269.801.508
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.556.948.958	2.256.857.264
4. Phải trả người lao động	314		3.119.665.080	927.945.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	458.646.151	91.082.852
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	59.665.991.954	8.182.674
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	23.634.642.097	20.215.194.082
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.186.257.759	624.144.949
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.995.505.000</b>	<b>389.800.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	2.995.505.000	389.800.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.076.163.573</b>	<b>141.724.433.750</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>142.076.163.573</b>	<b>141.724.433.750</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.037.115.642	1.787.924.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.117.047.931	45.014.509.108
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.459.949.308	32.077.204.767
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.657.098.623	12.937.304.341
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>261.609.497.670</b>	<b>173.721.448.750</b>

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND  
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	370.623.208.375	336.019.421.668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	650.787.978	2.448.509.051
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		369.972.420.397	333.570.912.617
4. Giá vốn hàng bán	11	23	336.817.123.748	304.266.512.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		33.155.296.649	29.304.399.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.334.253.142	9.621.988
7. Chi phí tài chính	22	26	1.453.963.245	2.958.456.624
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.445.346.627	1.861.463.426
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.411.686.069	5.219.536.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.570.962.212	4.925.647.270
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		19.052.938.265	16.210.380.923
11. Thu nhập khác	31	28	4.526.377.375	4.135.024.088
12. Chi phí khác	32	29	4.155.958.430	3.759.117.401
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		370.418.945	375.906.687
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.423.357.210	16.586.287.610
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.766.258.587	3.648.983.269
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		15.657.098.623	12.937.304.341



Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

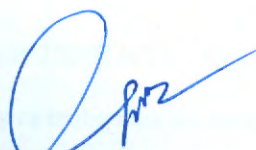
MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	328.265.847.836	266.865.371.537
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(284.558.696.839)	(229.448.654.451)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.236.364.269)	(3.162.277.632)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.425.475.355)	(1.909.387.369)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.485.031.893)	(4.242.496.869)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.177.971.041	1.087.229.290
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.709.783.614)	(10.215.136.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.028.466.907</b>	<b>18.974.647.781</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.422.608.598)	(3.411.764.897)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	224.950.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.334.253.142	9.621.988
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.988.355.456)</b>	<b>(3.177.192.909)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	101.169.083.663	160.788.587.006
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(95.143.930.648)	(171.099.932.508)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.620.125.000)	(2.710.180.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.594.971.985)</b>	<b>(13.021.526.002)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(554.860.534)</b>	<b>2.775.928.870</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.488.608.888	712.680.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2.933.748.354</b>	<b>3.488.608.888</b>



Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 275 người (ngày 31/12/2014: 48 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có Công ty con là Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan hoạt động cùng địa điểm.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2015/DHP/NQ - HĐQT Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng ngày 27/10/2015 đã quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty con - Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan của Công ty. Đến ngày 12/01/2016 Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan chính thức giải thể. Toàn bộ tài sản của Công ty con đã được điều chuyển về Công ty trong năm 2015.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tại thời điểm 23/12/2015 Công ty con - Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan đã chấm dứt hoạt động vì vậy vấn đề dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con không cần trích lập do toàn bộ công nợ và tài sản của công ty con đã được bàn giao về Công ty.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

## Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	663.721.021	350.383.359
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.270.027.333	3.138.225.529
	<b>2.933.748.354</b>	<b>3.488.608.888</b>

## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>10.461.011.220</b>	<b>31.950.918.936</b>
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	3.202.675.625	877.608.928
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xây dựng Đức Phát	1.205.697.996	1.043.299.066
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai Electric Works	1.064.529.697	2.333.577.475
Công ty TNHH TM&DV Vận tải Việt Khoa	880.357.781	1.110.592.562
Cửa hàng Hưng Chanh	668.963.173	732.547.497
Nguyễn Thị Hải Vân	496.901.431	2.852.225.979
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	182.725.620	1.783.150.547
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	-	16.463.436.212
Công ty TNHH Tân Thành	-	1.705.074.218
Các đối tượng khác	2.759.159.897	3.049.406.452
	<b>10.461.011.220</b>	<b>31.950.918.936</b>

## 7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Doanh nghiệp tư nhân Thuận Phong	277.523.670	-	397.523.670	-
- Công ty CP Điện cơ 1991	119.012.498	-	119.012.498	83.308.749
- Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	6.330.516	4.431.361
- DNTN Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	9.282.625	6.497.837
- Công ty TNHH sản xuất và TM Quạt điện Việt Nam	4.687.061	2.343.529	4.687.061	4.687.061
- Công ty TNHH Dây - Cáp & Vật liệu điện KEVIN	219.062.690	-	219.062.690	-
	<b>635.899.060</b>	<b>2.343.529</b>	<b>755.899.060</b>	<b>98.925.008</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.663.010.625	-	8.241.487.800	-
Công cụ, dụng cụ	274.827.075	-	90.712.045	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.268.520.709	-	-	-
Hàng hóa	52.153.823.324	-	37.212.991.425	-
	<b>78.360.181.733</b>	<b>-</b>	<b>45.545.191.270</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	539.007.620	163.756.408
Các khoản chi phí khác	178.618.755	-
	<b>717.626.375</b>	<b>163.756.408</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

## 10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	18.379.893.474	4.305.620.178	4.969.717.658	35.000.000	27.690.231.310
- Mua sắm mới	-	6.816.063.143	1.606.545.455	-	8.422.608.598
- Nhận điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan	48.808.628.520	10.785.126.637	-	32.661.419	59.626.416.576
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(254.035.706)	-	(254.035.706)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>67.188.521.994</b>	<b>21.906.809.958</b>	<b>6.322.227.407</b>	<b>67.661.419</b>	<b>95.485.220.778</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	4.667.889.280	1.157.711.633	1.263.795.920	3.500.000	7.092.896.833
- Khấu hao trong kỳ	1.924.849.406	1.421.994.391	592.013.600	9.033.821	3.947.891.218
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(152.084.908)	-	(152.084.908)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>6.592.738.686</b>	<b>2.579.706.024</b>	<b>1.703.724.612</b>	<b>12.533.821</b>	<b>10.888.703.143</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	13.712.004.194	3.147.908.545	3.705.921.738	31.500.000	20.597.334.477
Tại ngày 31/12/2015	60.595.783.308	19.327.103.934	4.618.502.795	55.127.598	84.596.517.635

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.964.130.781 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 6.389.111.525 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 342.554.663 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 199.697.520 đồng).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2015	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2015	120.000.000	120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2015	30.000.000	30.000.000
- Khấu hao trong năm	24.000.000	24.000.000
Tại ngày 31/12/2015	54.000.000	54.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	90.000.000	90.000.000
Tại ngày 31/12/2015	66.000.000	66.000.000

## 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất quạt điện

Trong năm Công ty mua lại toàn bộ cổ phần của công đồng thiếu số tại Công ty con và chuyển Công ty con thành Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan. Hoạt động trong năm 2015 của công ty con có lãi và Công ty con đã dừng hoạt động ngày 23/12/2015.

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>26.509.632.793</b>	<b>26.509.632.793</b>	<b>7.214.006.130</b>	<b>7.214.006.130</b>
Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan - Bên liên quan	21.266.091.471	21.266.091.471	-	-
Công ty TNHH Tân Thành	541.439.498	541.439.498	3.525.895.736	3.525.895.736
Công ty TNHH MTV điện tử Gia Nguyên	375.715.450	375.715.450	-	-
Công ty TNHH Khuôn mẫu Hải Phòng	285.500.000	285.500.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	4.040.886.374	4.040.886.374	3.688.110.394	3.688.110.394
	<b>26.509.632.793</b>	<b>26.509.632.793</b>	<b>7.214.006.130</b>	<b>7.214.006.130</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.088.515.786	2.088.515.786	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.210.795.364	1.210.795.364	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.185.032.264	3.766.258.587	4.485.031.893	1.466.258.958
Thuế thu nhập cá nhân	71.825.000	692.394.627	764.219.627	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.256.468.000	1.165.778.000	90.690.000
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>2.256.857.264</b>	<b>9.018.432.364</b>	<b>9.718.340.670</b>	<b>1.556.948.958</b>

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Ngắn hạn</i>	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi tiền vay	49.692.612	29.821.340
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	408.953.539	61.261.512
	<b>458.646.151</b>	<b>91.082.852</b>

## 16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan - Bên liên quan	59.639.309.280	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	26.682.674	8.182.674
	<b>59.665.991.954</b>	<b>8.182.674</b>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	22.908.242.097	22.908.242.097	94.562.530.648	97.401.978.663	20.068.794.082	20.068.794.082
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam(i)	20.248.655.373	20.248.655.373	80.321.015.072	85.201.418.670	15.368.251.775	15.368.251.775
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	2.659.586.724	2.659.586.724	14.241.515.576	12.200.559.993	4.700.542.307	4.700.542.307
Nợ dài hạn đến hạn trả	726.400.000	726.400.000	581.400.000	1.161.400.000	146.400.000	146.400.000
	<b>23.634.642.097</b>	<b>23.634.642.097</b>	<b>95.143.930.648</b>	<b>98.563.378.663</b>	<b>20.215.194.082</b>	<b>20.215.194.082</b>

(i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014-HĐTĐHM/NHCT-166-ĐCHP ngày 28/7/2014 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng được gia hạn từ hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012. Hạn mức tối đa được giải ngân: 55 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh quạt điện. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 25/07/2015. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

(ii) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng 15.15.257.1813703.TD ngày 27/01/2015 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng đã bao gồm dư nợ của theo hợp đồng tín dụng số 99.13.257.1813703 ngày 26/12/2013. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày giải ngân tới 31/01/2016. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (L/C) phục vụ cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh quạt điện, động cơ, thiết bị. Lãi suất cho vay là lãi suất cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản bảo đảm: Là hàng tồn kho luân chuyển bao gồm hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty.

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.995.505.000</b>	<b>2.995.505.000</b>	<b>1.161.400.000</b>	<b>3.767.105.000</b>	<b>389.800.000</b>	<b>389.800.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam(i)	2.752.105.000	2.752.105.000	1.015.000.000	3.767.105.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	243.400.000	243.400.000	146.400.000	-	389.800.000	389.800.000
	<b>2.995.505.000</b>	<b>2.995.505.000</b>	<b>1.161.400.000</b>	<b>3.767.105.000</b>	<b>389.800.000</b>	<b>389.800.000</b>

## (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm 2 Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2015-HĐTDDA/NHCT166-ĐHCP ngày 29/01/2015 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng với hạn mức 3.370.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010 và thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo. Số dư gốc vay tại 31/12/2015 là 1.916.115.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2015- HĐTDDA/NHCT166- ĐCHP ngày 23/09/2015 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng với hạn mức 3.850.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý thuộc "Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, phương tiện vận tải" của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/VKT ngày 01/10/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/VKT ngày 18/11/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/MMTB/2012 ngày 28/09/2012, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT/ĐCHP ngày 29/01/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/TC/ NHCT/ĐCHP ngày 23/09/2015 cùng các phụ lục sửa đổi kèm theo. Số dư gốc vay được giải ngân tại ngày 31/12/2015 là 835.990.000 đồng;

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 32.14.257.1813703.TD ngày 22/08/2014 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 585.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên ngày 21/08/2014. Khoản vay chịu lãi suất theo điều chỉnh từng thời điểm trên từng khế ước nhận nợ (lãi suất kỳ đầu tiên trong năm 2014 là 8,8%/năm) và được trả hàng kỳ bắt đầu từ ngày 25 và kết thúc ngày 24 tháng sau. Mục đích vay là để bổ sung vốn mua 01 xe ô tô tải Hino (Cabin Chassi). Công ty dùng xe ô tô tải thùng kín 3 chỗ, nhãn hiệu HINO biển kiểm soát 15C-097.82 để thế chấp cho khoản vay này.

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	726.400.000	146.400.000
Trong năm thứ hai	1.161.400.000	389.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	998.115.000	-
Sau năm năm	-	-
	<b>2.885.915.000</b>	<b>536.200.000</b>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>726.400.000</i>	<i>146.400.000</i>
<b>Số phải trả sau 12 tháng (i)</b>	<b>2.159.515.000</b>	<b>389.800.000</b>

**Ghi chú:** (i) Số còn phải trả sau 12 tháng không bao gồm số dư của khoản vay trung dài hạn số 02/2015-HĐTDDA/NHCT166- ĐCHP ngày 23/09/2015 hiện nay chưa có lịch trả nợ cụ thể.

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (xem Thuyết minh số 10).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

Số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	94.922.000.000	646.751.137	1.020.609.893	35.476.530.482	132.065.891.512
Lãi trong kỳ này	-	-	-	12.937.304.341	12.937.304.341
Phân phối lợi nhuận	-	197.023.469	118.214.082	(3.399.325.715)	(3.084.088.164)
Giảm khác	-	-	(194.673.939)	-	(194.673.939)
Số dư tại ngày 31/12/2014 như được trình bày năm trước	94.922.000.000	843.774.606	944.150.036	45.014.509.108	141.724.433.750
Áp dụng chính sách kế toán mới					
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	94.922.000.000	1.787.924.642	-	45.014.509.108	141.724.433.750
Tăng vốn trong năm					-
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	15.657.098.623	15.657.098.623
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.373.363.000	-	(17.554.559.800)	(15.181.196.800)
Giảm khác (ii)	-	(124.172.000)	-	-	(124.172.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	94.922.000.000	4.037.115.642	-	43.117.047.931	142.076.163.573

(i) Phân phối lợi nhuận trong năm bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/2015/DHP ngày 24/4/2015, chi tiết như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.373.363.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	632.696.800
- Chi trả cổ tức năm 2014	14.238.300.000
- Chi thưởng cho HĐQT và BKS	310.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.554.359.800</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(ii) Chi khác trong năm thể hiện:

(iii) Giảm khác trong kỳ bao gồm: 124.172.000

Nội dung	Số tiền (VND)
- Chi thù lao cho HĐQT và BKS	114.972.000
- Nộp phạt vi phạm hành chính	6.000.000
- Chi khác	3.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.172.000</b>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

## 20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại	5.423,35	2.420
USD	5.423,35	2.420

## 21. DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
a) Doanh thu bán hàng	370.623.208.375	336.019.421.668
	<b>370.623.208.375</b>	<b>336.019.421.668</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	72.747.420.673	85.153.731.291
- Công ty TNHH MTV Phong Lan	72.747.420.673	85.153.731.291

## 22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	(650.787.978)	(2.443.829.051)
- Hàng bán bị trả lại.	-	(4.680.000)
	<b>(650.787.978)</b>	<b>(2.448.509.051)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán;	336.817.123.748	304.266.512.927
	<b>336.817.123.748</b>	<b>304.266.512.927</b>

## 24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.563.090.762	1.747.377.815
Chi phí nhân công	9.208.268.561	3.881.598.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.407.012.288	930.919.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.953.895.924	1.136.695.189
Chi phí khác bằng tiền	3.232.812.079	2.448.593.959
	<b>41.365.079.614</b>	<b>10.145.184.131</b>

## 25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.253.142	9.621.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.304.000.000	-
	<b>2.334.253.142</b>	<b>9.621.988</b>

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.445.346.627	1.861.463.426
Lỗi chênh lệch tỷ giá	8.616.618	79.561.990
Chiết khấu thanh toán	-	1.017.431.208
	<b>1.453.963.245</b>	<b>2.958.456.624</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	206.552.514	93.556.879
Tiền thuê đất, thuê nhà	1.455.312.000	672.509.340
Chi phí nhân viên	3.954.156.860	1.840.496.503
Chi phí đồ dùng văn phòng	232.408.136	198.777.547
Chi phí khấu hao TSCĐ	498.030.109	477.753.056
Thuế, phí và lệ phí	138.140.928	113.059.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.946.826	872.931.265
Xuất hàng sử dụng nội bộ	2.310.000	10.305.455
Các khoản chi phí QLDN khác	1.408.523.360	646.257.759
<b>Cộng</b>	<b>8.594.380.733</b>	<b>4.925.647.270</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí vật liệu, bao bì	1.788.813.770	1.224.505.912
Chi phí nhân viên	3.515.184.116	2.593.791.644
Chi phí khấu hao TSCĐ	670.390.757	453.166.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.353.114	437.839.332
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	106.886.363	774.422.624
Chi phí bảo hành	2.469.071.839	1.942.549.498
Các khoản chi phí bán hàng khác	241.752.248	6.254.183
<b>Cộng</b>	<b>8.977.452.207</b>	<b>7.432.529.284</b>
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(2.195.766.138)	(1.685.417.676)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(23.418.521)	-
Các khoản ghi giảm khác	(370.000.000)	(527.574.747)
<b>Cộng</b>	<b>(2.589.184.659)</b>	<b>(2.212.992.423)</b>

## 28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	204.500.000
Thu từ cho thuê TSCĐ	1.564.878.930	1.427.381.877
Thu tiền phép, vi phạm kỷ luật	4.000.000	7.480.000
Thu tiền điện nước của Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan - Bên liên quan	2.315.810.896	1.628.170.873
Các khoản khác	641.687.549	867.491.338
	<b>4.526.377.375</b>	<b>4.135.024.088</b>

## 29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	101.950.798	370.467.299
Chi tiền điện nước cho Điện cơ Phong Lan	2.315.810.896	1.647.706.844
Chi phí KH TSCĐ thuê của Điện cơ Phong Lan	1.564.878.930	1.427.381.877
Các khoản khác	173.317.806	313.561.381
	<b>4.155.958.430</b>	<b>3.759.117.401</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.423.357.210	16.586.287.610
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.304.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.304.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế	17.119.357.210	16.586.287.610
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.766.258.587</b>	<b>3.648.983.269</b>

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

## Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: quạt điện, lồng quạt...; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

## Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân - Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

## Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	26.630.147.097	20.604.994.082
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(2.933.748.354)	(3.488.608.888)
Nợ thuần	23.696.398.743	17.116.385.194
Vốn chủ sở hữu	142.076.163.573	141.724.433.750
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,17</b>	<b>0,12</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.933.748.354	3.488.608.888	2.933.748.354	3.488.608.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.018.900.045	31.331.916.034	10.018.900.045	31.331.916.034
Đầu tư tài chính dài hạn	80.000.000.000	72.000.000.000	80.000.000.000	72.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.010.948.399</b>	<b>106.835.775.922</b>	<b>93.010.948.399</b>	<b>106.835.775.922</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	26.630.147.097	20.604.994.082	26.630.147.097	20.604.994.082
Phải trả người bán và phải trả khác	86.175.624.747	7.222.188.804	86.175.624.747	7.222.188.804
Chi phí phải trả	458.646.151	91.082.852	458.646.151	91.082.852
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.264.417.995</b>	<b>27.918.265.738</b>	<b>113.264.417.995</b>	<b>27.918.265.738</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.933.748.354	-	2.933.748.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.018.900.045	-	10.018.900.045
Đầu tư tài chính dài hạn (i)	80.000.000.000	-	80.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.010.948.399</b>	<b>-</b>	<b>93.010.948.399</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	23.634.642.097	2.995.505.000	26.630.147.097
Phải trả người bán và phải trả khác	86.175.624.747	-	86.175.624.747
Chi phí phải trả	458.646.151	-	458.646.151
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.268.912.995</b>	<b>2.995.505.000</b>	<b>113.264.417.995</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(17.257.964.596)</b>	<b>(2.995.505.000)</b>	<b>(20.253.469.596)</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.488.608.888	-	3.488.608.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.331.916.034	-	31.331.916.034
Đầu tư tài chính dài hạn	-	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.835.775.922</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>106.835.775.922</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	20.215.194.082	389.800.000	20.604.994.082
Phải trả người bán và phải trả khác	7.222.188.804	-	7.222.188.804
Chi phí phải trả	91.082.852	-	91.082.852
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.528.465.738</b>	<b>389.800.000</b>	<b>27.918.265.738</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.307.310.184</b>	<b>71.610.200.000</b>	<b>78.917.510.184</b>

Ghi chú: (i) Công ty con đã giải thể vào tháng 01/2016 nên khoản đầu tư được phân loại dưới 1 năm

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Cụ thể là khoản nợ ngắn hạn chủ yếu liên quan đến khoản phải trả Công ty con – Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan, khoản này sẽ hoàn tất khi giải thể Công ty con thông qua vốn đầu tư thu hồi. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 12/01/2016, Công ty con của Công ty – Công ty TNHH MTV Điện cơ Phong Lan đã chấm dứt hoạt động và chính thức hoàn tất các thủ tục về giải thể doanh nghiệp...

## 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải thu ngắn hạn khác	22.720.150	15.251.000	37.971.150
Tài sản ngắn hạn khác	15.251.000	(15.251.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	843.774.606	944.150.036	1.787.924.642
Quỹ dự phòng tài chính	944.150.036	(944.150.036)	-

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016

  
Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc